

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ 3 tháng đầu năm 2015**

**Của**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Mục lục	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng Cân đối kế toán	3 - 4
Báo cáo Kết quả kinh doanh	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	6-7
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	8-30

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần đầu tư F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho 3 tháng đầu năm 2015

### Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

#### *Hội đồng Quản trị*

Ông Phan Trung Phương	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Sang	Thành viên
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên
Ông Phạm Công Sinh	Thành viên
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên
Ông Ngô Anh Sơn	Thành viên

#### *Ban Giám đốc*

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt      Tổng Giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Tổng Giám đốc

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**Quý 1 năm 2015**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2015	Tại ngày 01/01/2015
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,072,751,588,473</b>	<b>702,398,177,838</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>205,076,226,677</b>	<b>208,465,681,019</b>
1. Tiền	111		60,266,226,677	34,285,681,019
2. Các khoản tương đương tiền	112		144,810,000,000	174,180,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>571,484,966,019</b>	<b>303,257,316,078</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		160,862,439,941	62,339,290,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		410,622,526,078	240,918,026,078
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>224,498,706,983</b>	<b>119,266,793,795</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	202,005,941,733	114,024,171,633
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32,718,590,283	9,650,244,600
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6a	4,534,301,698	10,157,198,224
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(14,760,126,731)	(14,564,820,662)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.9</b>	<b>60,413,171,393</b>	<b>62,601,694,541</b>
1. Hàng tồn kho	141		60,413,171,393	62,601,694,541
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11,278,517,401</b>	<b>8,806,692,405</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.16a	1,685,733,350	1,828,923,425
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.23b	9,424,630,201	6,849,661,271
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.23b	168,153,850	128,107,709
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>268,047,369,092</b>	<b>290,017,468,908</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>338,235,000</b>	<b>311,075,000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	338,235,000	311,075,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>153,648,450,748</b>	<b>158,997,260,963</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	111,120,306,813	113,556,353,264
- Nguyên giá	222		180,901,093,678	182,314,294,227
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69,780,786,865)	(68,757,940,963)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	42,528,143,935	45,440,907,699
- Nguyên giá	228		43,967,999,849	46,367,734,849
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,439,855,914)	(926,827,150)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.14</b>	<b>14,694,179,455</b>	<b>14,794,935,427</b>
- Nguyên giá	231		15,781,667,712	15,781,667,712
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1,087,488,257)	(986,732,285)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>9,490,344,520</b>	<b>9,490,344,520</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9,490,344,520	9,490,344,520
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>31,843,315,852</b>	<b>46,986,185,491</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	31,843,315,852	28,037,695,491
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	18,948,490,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>58,032,843,517</b>	<b>59,437,667,507</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2015	Tại ngày 01/01/2015
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16b	28,965,752,252	29,094,862,897
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.28a	403,369,051	924,773,917
5. Lợi thế thương mại	269		28,663,722,214	29,418,030,693
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1,340,798,957,565</b>	<b>992,415,646,746</b>

NGUỒN VỐN				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>197,025,571,900</b>	<b>202,807,209,607</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>196,324,073,266</b>	<b>202,110,996,381</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.21a	53,510,520,359	25,509,123,365
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.22	3,647,297,547	4,010,808,032
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.23a	57,551,539,471	38,350,876,864
4. Phải trả người lao động	314		10,268,940,485	10,134,318,543
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.24a	5,547,264,929	4,469,345,547
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.26a	158,279,233	158,422,534
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.25a	8,695,163,385	7,780,980,205
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	50,947,764,624	104,627,847,552
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5,997,303,233	7,069,273,739
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>701,498,634</b>	<b>696,213,226</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.25b	135,132,000	135,132,000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.28b	566,366,634	561,081,226
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,015,873,384,724</b>	<b>660,600,044,698</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.29</b>	<b>1,015,873,384,724</b>	<b>660,600,044,698</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		892,124,880,000	499,999,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		892,124,880,000	499,999,940,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15,140,716,800	15,260,716,800
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		886,852,413	4,255,447,646
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107,720,935,511	141,083,940,252
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4,681,415,369	31,351,220,312
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		103,039,520,142	109,732,719,940
<b>E. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT</b>	<b>429</b>		<b>127,900,000,941</b>	<b>129,008,392,442</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,340,798,957,565</b>	<b>992,415,646,746</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*Thương*

Phạm Thị Thương

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*Hà Hồng Tuấn*

Hà Hồng Tuấn

Lập ngày 09 tháng 05 năm 2015

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Quý 1 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2015
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	200,930,290,401
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	29,227,920
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 2)	10	VI.1	<b>200,901,062,481</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	136,217,396,183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		64,683,666,298
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	102,933,620,497
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3,695,831,377
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,268,464,915
8. Phân lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		24,024,582
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	14,518,501,808
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8,014,956,115
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		<b>141,412,022,077</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1,670,331,819
13. Chi phí khác	32	VI.9	5,259,457
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		1,665,072,362
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		<b>143,077,094,439</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	30,840,935,771
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(160,662,457)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		<b>112,396,821,125</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		103,039,520,142
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9,357,300,983
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.13	1,529
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-

Lập ngày 09 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu  
 (Ký, họ tên)



**Phạm Thị Thương**

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)



**Hà Hồng Tuấn**

Tổng Giám đốc  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)



**Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Dạng đầy đủ)  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>143,077,094,439</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02		3,839,652,638
- Các khoản dự phòng	03		195,306,069
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15,287,262,986)
- Chi phí lãi vay	06		3,268,464,915
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>135,093,255,075</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(101,814,658,215)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,188,523,148
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không	11		20,451,546,614
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		272,300,720
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(98,523,149,941)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4,302,550,225)
- Tiền thuế TNDN đã nộp	15		(6,758,422,180)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(972,783,006)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		4,328,801,543
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(50,037,136,467)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,685,075,951)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		502,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(313,512,500,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		198,229,490,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(104,535,990,106)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,290,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18,254,618,096
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(204,457,457,961)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		325,034,230,000

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này
1	2	3	4
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2,534,601,568,705
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,608,530,658,619)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>251,105,140,086</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3,389,454,342)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>208,465,681,019</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>205,076,226,677</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*Phạm Thị Thương*

Phạm Thị Thương

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*Hà Hồng Tuấn*

Hà Hồng Tuấn

Lập ngày 09 tháng 05 năm 2015

Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Minh Nguyệt



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****QUÝ I NĂM 2015****I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103016102 ngày 08/03/2007 và Giấy chứng nhận kinh doanh được thay đổi lần thứ 20 số 0102182140 ngày 10/03/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 20 ngày 10/03/2015 là 892.124.880.000 đồng.

Tổng số nhân viên của công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31/03/2015 là 820 người (tại ngày 31/12/2014 là 755 người).

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty gồm:

<b>Các Công ty con</b>	<b>Nơi thành lập, hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T	Hà Nội	100%	100%	Xuất nhập khẩu hàng hóa
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Cần Thơ	72,64%	72,64%	Kinh doanh sản phẩm Nông nghiệp
<b>Các Công ty con cấp 2</b>				
<b>(i)</b>				
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Long An	57,14%	57,14%	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Chế biến TPXK Miền Tây	Cần Thơ	69,34%	69,05%	Chế biến nông sản xuất khẩu

Ghi chú: (i) Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu và tỷ lệ quyền biểu quyết của F.I.T trong các Công ty con cấp 2 được xác định theo tính chất bắc cầu thông qua giá trị đầu tư của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ đầu tư trực tiếp vào các Công ty con cấp 2.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T gồm: Dịch vụ cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Các dịch vụ: Bãi đỗ xe và

các công trình công cộng; Tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; Và các ngành nghề kinh doanh khác.

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

### **2. Kỳ kế toán năm tài chính:**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Từ ngày 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán hiện hành.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán hiện hành.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo Kết quả kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi không kỳ hạn các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

**Chứng khoán kinh doanh:** Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được hạch toán theo giá đích danh.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết:**

#### **Đầu tư vào Công ty con:**

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 50 % trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

#### **Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản vốn góp liên doanh là thỏa thuận dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

#### **Các khoản đầu tư khác**

Bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

### **Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:**

Tăng giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:**

Các khoản phải thu bao gồm: Gồm các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác ở thời điểm báo cáo. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng giảm các khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền di động

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp dự phòng giảm giá hàng tồn kho: trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao**

##### **Tài sản cố định hữu hình**

Được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 46
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	5

##### **Tài sản cố định vô hình**

Được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 31/03/2015 là Quyền sử dụng đất, phần mềm máy vi tính, bản quyền, nhãn hiệu và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3-10 năm.

Riêng quyền sử dụng đất tại công ty CP VTKT nông nghiệp Cần Thơ chưa trích khấu hao với tổng nguyên giá là 21.639.541.399đ

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 - 46 năm.

### **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ chờ phân bổ và giá trị tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn theo thông tư 45/2013/TT-BTC. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền cho vay của các tổ chức tín dụng.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi số bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối được phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lãi dồn tích từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ thuế TNDN, các khoản tạm chia cổ tức cho cổ đông, trích lập các quỹ.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu cho thuê văn phòng do khách hàng trả trước tiền thuê.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí:**

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh và ước tính đúng kỳ kế toán.

#### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, TNDN hoãn lại:**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:**

##### **Ước tính kế toán:**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con con trong cùng Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **15. Bên liên quan:**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

#### **16. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**17. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**18. Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

<b>01. Tiền:</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
- Tiền mặt	98,213,047	125,002,787
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60,168,013,630	34,160,678,232
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	144,810,000,000	174,180,000,000
<b>Cộng:</b>	<b>205,076,226,677</b>	<b>208,465,681,019</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Mã số thuế: 0102182140

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

a) Chứng khoán kinh doanh	CỘNG					
	31/03/2015		01/01/2015			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu:	160,862,439,941	160,862,439,941	-	62,339,290,000	62,339,290,000	-
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	84,882,429,941	84,882,429,941	-	-	-	-
+ Cổ phiếu Công ty TNHH MTV Phân bón đầu khí Cà Mau	71,230,000,000	71,230,000,000	-	61,500,000,000	61,500,000,000	-
+ Các CKKD khác	4,750,010,000	4,750,010,000	-	839,290,000	839,290,000	-
- Tổng giá trị trái phiếu:	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác:	-	-	-	-	-	-
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>31/03/2015</b>		<b>01/01/2015</b>			
<b>b1) Ngắn hạn</b>	Giá gốc	Giá ghi sổ		Giá gốc	Giá ghi sổ	
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	410,622,526,078	410,622,526,078		240,918,026,078	240,918,026,078	
- Trái phiếu	44,570,000,000	44,570,000,000		43,420,000,000	43,420,000,000	
- Các khoản đầu tư khác: Hợp đồng hợp tác đầu tư	366,052,526,078	366,052,526,078		197,498,026,078	197,498,026,078	
<b>b2) Dài hạn</b>				18,948,949,000	18,948,949,000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-		-	-	
- Trái phiếu	-	-		-	-	
- Các khoản đầu tư khác	-	-		18,948,949,000	18,948,949,000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/03/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	31,843,315,852	31,843,315,852	-	28,037,695,491	28,037,695,491	-
+ Công ty CP TM sản xuất và dịch vụ Sao Nam	31,843,315,852	31,843,315,852		11,485,665,870	11,485,665,870	-
+ Công ty cổ phần Today Cosmetics (*)	-	-		16,552,029,621	16,552,029,621	-

(\*) Đến thời điểm 31/3/2015, công ty cổ phần Today Cosmetics không còn là Công ty liên doanh, liên kết với F.I.T.

**Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết tại ngày 31/03/2015 như sau:**

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
+ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Hà Nội	100.0%	100.0%	XNK hàng hóa nông sản,...
+ Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	Cần Thơ	72.64%	72.6%	Cấp phát, cung ứng KD vật tư nông nghiệp
- Tên công ty liên doanh, liên kết				
+ Công ty CP TM sản xuất và dịch vụ Sao Nam	Hà Nội	24.34%	24.34%	Buôn bán hàng tiêu dùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>03. Phải thu của khách hàng</b>		
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn của các công ty con</b>		
- Khách hàng của Cty CP Đầu tư F.I.T	87,741,233,480	34,299,375,824
- Khách hàng của Cty VTKT Nông nghiệp Cần Thơ	36,888,786,386	10,681,815,579
- Khách hàng của Cty Nông dược TSC	72,317,577,750	52,248,123,970
- Khách hàng của Cty TNHH XNK và TM FIT VN	-	7,513,248,836
- Khách hàng của Cty CP chế biến xuất khẩu Miền Tây	5,058,344,117	9,281,607,424
<b>Cộng:</b>	<b>202,005,941,733</b>	<b>114,024,171,633</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>Cộng:</b>		
<b>04. Trả trước cho người bán của các Công ty con:</b>	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Khách hàng của Cty CP Đầu tư F.I.T	4,197,493,675	4,210,988,343
- Khách hàng của Cty VTKT Nông nghiệp Cần Thơ	23,522,705,480	3,272,349,740
- Khách hàng của Cty Nông dược TSC	766,558,458	824,637,143
- Khách hàng của Cty TNHH XNK và TM FIT VN	46,039,200	1,254,769,374
- Khách hàng của Cty CP chế biến xuất khẩu Miền Tây	4,185,793,470	87,500,000
<b>Cộng:</b>	<b>32,718,590,283</b>	<b>9,650,244,600</b>
<b>05. Phải thu về cho vay</b>	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	-	-
<b>b) Phải thu về cho vay dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng:</b>	-	-
<b>06. Phải thu khác</b>	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>a) Phải thu khác ngắn hạn</b>	-	-
- Phải thu từ tiền lãi phát sinh từ HĐ tiền gửi và cho vay	872,549,345	3,736,540,136
- Phải thu khoản lãi dự thu các hợp đồng hợp tác đầu tư	1,602,223,762	2,359,630,004
- Phải thu người lao động	405,171,543	338,297,000
- Ký cược, ký quỹ	118,084,000	117,784,000
- Cho mượn	351,000,000	-
- Tạm ứng (*)	439,834,365	525,967,650
- Phải thu khác	745,438,683	3,078,979,434
<b>Cộng:</b>	<b>4,534,301,698</b>	<b>10,157,198,224</b>
(*) Số dư đầu kỳ thay đổi do trình bày lại số dư tạm ứng theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC		
<b>b) Phải thu khác dài hạn</b>	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Ký cược, ký quỹ (*)	338,235,000	311,075,000
<b>Cộng:</b>	<b>338,235,000</b>	<b>311,075,000</b>
(*) Số dư đầu kỳ thay đổi do trình bày lại số dư ký cược, ký quỹ theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tường, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Mã số thuế: 0102182140

**08. Nợ khó đòi**

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá có thể thu hồi	Giá gốc	Giá có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	8,685,832,786		8,685,832,786	
+ Chứng khoán Hòa Bình	45,536,958		45,536,958	Nợ phải thu
+ Nguyễn Hùng Sơn	66,754,022		66,754,022	Nợ phải thu
+ Đào Anh Tuấn	1,490,756,847		1,490,756,847	Trả trước cho người bán
+ Trịnh Xuân Sơn	53,900,000		53,900,000	Nợ phải thu
+ DNTN Trung Đông	3,520,000,000		3,520,000,000	Nợ phải thu
+ Maxwill (Asia) Pte Ltd	3,508,884,959		3,508,884,959	Nợ phải thu
- Thông tin về khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu				
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn				

(\*) Tại thời điểm 31/03/2015, Công ty F.I.T mẹ đã trích lập 891.543.197 đồng dự phòng nợ phải thu khó đòi

(\*) Tại thời điểm 31/03/2015, Công ty TSC đã trích lập 5.976.219.920 đồng dự phòng nợ phải thu khó đòi

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140**09. Hàng tồn kho**

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	23,785,716,879		26,850,462,834	
- Công cụ dụng cụ	592,330,841		563,165,432	
- Hàng hóa	36,035,123,673		34,204,435,896	
- Hàng gửi bán		-	983,630,379	
<b>Cộng:</b>	<b>60,413,171,393</b>		<b>62,601,694,541</b>	

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Mua sắm	9,490,344,520		9,490,344,520	
<b>Cộng:</b>	<b>9,490,344,520</b>		<b>9,490,344,520</b>	

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

STT	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						-
1	Số dư đầu năm	111,641,251,329	49,282,028,067	19,865,493,004	1,428,112,181	97,409,646	182,314,294,227
2	Tăng trong kỳ	-	789,821,451	-	-	-	789,821,451
	- Mua trong kỳ	-	789,821,451	-	-	-	789,821,451
3	Giảm trong kỳ	-	-	2,203,022,000	-	-	2,203,022,000
	- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2,203,022,000	-	-	2,203,022,000
4	Số dư cuối kỳ	111,641,251,329	50,071,849,518	17,662,471,004	1,428,112,181	97,409,646	180,901,093,678
<b>II</b>	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						-
1	Số dư đầu kỳ	34,775,465,657	26,340,417,432	7,240,179,112	304,469,116	97,409,646	68,757,940,963
2	Tăng trong kỳ	1,417,298,831	1,193,987,402	580,120,567	34,461,102	-	3,225,867,902
	- Khấu hao trong kỳ	1,417,298,831	1,193,987,402	580,120,567	34,461,102	-	3,225,867,902
3	Giảm trong kỳ	-	-	2,203,022,000	-	-	2,203,022,000
	- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2,203,022,000	-	-	2,203,022,000
4	Số dư cuối kỳ	36,192,764,488	27,534,404,834	5,617,277,679	338,930,218	97,409,646	69,780,786,865
<b>III</b>	<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						-
	- Tại ngày đầu kỳ	76,865,785,672	22,941,610,635	12,625,313,892	1,123,643,065	-	113,556,353,264
	- Tại ngày cuối kỳ	75,448,486,841	22,537,444,684	12,045,193,325	1,089,181,963	-	111,120,306,813

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

STT	Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I	Nguyên giá TSCĐ vô hình						-
1	Số dư đầu năm	25,627,361,283	136,363,635	20,200,000,000	118,700,000	285,309,931	46,367,734,849
3	Giảm trong năm	2,399,735,000	-	-	-	-	2,399,735,000
	- Thanh lý, nhượng bán	2,399,735,000	-	-	-	-	2,399,735,000
4	Số dư cuối năm	23,227,626,283	136,363,635	20,200,000,000	118,700,000	285,309,931	43,967,999,849
II	Giá trị hao mòn lũy kế						-
1	Số dư đầu năm	-	136,363,635	505,000,000	153,584	285,309,931	926,827,150
2	Tăng trong năm	-	-	504,999,999	8,028,765	-	513,028,764
	- Khấu hao trong kỳ	-	-	504,999,999	8,028,765	-	513,028,764
4	Số dư cuối năm	-	136,363,635	1,009,999,999	8,182,349	285,309,931	1,439,855,914
III	Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình, vô hình						-
	- Tại ngày đầu năm	25,627,361,283	-	19,695,000,000	118,546,416	-	45,440,907,699
	- Tại ngày cuối năm	23,227,626,283	-	19,190,000,001	110,517,651	-	42,528,143,935

**13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính: Không phát sinh****14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:**

STT	Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a)	<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
	<b>Nguyên giá</b>	<b>15,781,667,712</b>	-	-	<b>15,781,667,712</b>
	- Nhà và quyền sử dụng đất	15,781,667,712			15,781,667,712
	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>986,732,285</b>	<b>100,755,972</b>	-	<b>1,087,488,257</b>
	- Quyền sử dụng đất				-
	- Nhà và quyền sử dụng đất	986,732,285	100,755,972		1,087,488,257
	<b>Giá trị còn lại (*)</b>	<b>14,794,935,427</b>	<b>(100,755,972)</b>	-	<b>14,694,179,455</b>
	- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
	- Nhà và quyền sử dụng đất	14,794,935,427	(100,755,972)	-	14,694,179,455
b)	<b>Bất động sản đầu tư chờ tăng giá</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
 Mã số thuế: 0102182140

(\*) Tại thời điểm 31/03/2015, Công ty tính toán giá trị còn lại theo giá trị sổ sách, không đánh giá lại BĐSĐT do chưa đủ thông tin thị trường tại thời điểm đánh giá

- Bất động sản đầu tư của Công ty gồm:

+ Tầng 1 tòa nhà CTI Mễ Trì

+ Phòng 21A2 Tòa nhà COPAC, số 12 Tôn Đản, Phường 13, Quận 4, TP. HCM

**15. Chi phí lãi vay đã được vốn hóa: không phát sinh**

<b>16. Chi phí trả trước</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>a) Ngắn hạn (*)</b>		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí đồ dùng, dụng cụ	170,609,882	16,247,717
- Chi phí sửa chữa	35,291,000	61,759,250
- Trả trước lãi vay	-	-
- Chi phí trước hoạt động	-	-
- Chi phí bảo hiểm	52,861,361	51,590,544
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,426,971,107	1,699,325,914
<b>Cộng:</b>	<b>1,685,733,350</b>	<b>1,828,923,425</b>

(\*) Giá trị đầu kỳ thay đổi do được công ty phân loại lại theo hướng dẫn của TT 200/2014/TT-BTC

<b>b) Dài hạn (*)</b>		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	27,529,695,701	27,543,878,886
- Chi phí đồ dùng, dụng cụ	162,034,784	16,247,717
- Chi phí sửa chữa	1,021,706,670	1,130,221,431
- Trả trước lãi vay	-	-
- Chi phí trước hoạt động	-	-
- Chi phí bảo hiểm	42,548,000	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	209,767,097	404,514,863
<b>Cộng:</b>	<b>28,965,752,252</b>	<b>29,094,862,897</b>
<b>Tổng chi phí trả trước:</b>	<b>30,651,485,602</b>	<b>30,923,786,322</b>

(\*) Giá trị đầu kỳ thay đổi do được công ty phân loại lại theo hướng dẫn của TT 200/2014/TT-BTC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tường, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140

**21. Phải trả người bán**

	31/03/2015		01/01/2015	
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn của các Công ty con:	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Khách hàng của Cty CP Đầu tư F.I.T	10,162,170,995	10,162,170,995	981,589,227	981,589,227
- Khách hàng của Cty VTKT Nông nghiệp Cận Thơ	13,403,631,495	13,403,631,495	1,042,450,375	1,042,450,375
- Khách hàng của Cty Nông dược TSC	23,091,043,330	23,091,043,330	11,925,436,982	11,925,436,982
- Khách hàng của Cty TNHH XNK và TM FIT VN	-	-	6,560,065,750	6,560,065,750
- Khách hàng của Cty CP chế biến xuất khẩu Miền Tây	6,853,674,539	6,853,674,539	4,999,581,031	4,999,581,031
<b>Cộng</b>	<b>53,510,520,359</b>	<b>53,510,520,359</b>	<b>25,509,123,365</b>	<b>25,509,123,365</b>

**b) Các khoản phải trả người bán dài hạn****c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán****d) Phải trả người bán là các bên liên quan**

31/03/2015

01/01/2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140

	31/03/2015	01/01/2015
<b>22. Người mua trả tiền trước</b>		
- Khách hàng của Cty CP Đầu tư F.I.T	5,000,000	28,750,000
- Khách hàng của Cty VKT Nông nghiệp Cần Thơ	429,493,973	1,909,008,383
- Khách hàng của Cty Nông dược TSC	76,264,619	23,710,315
- Khách hàng của Cty TNHH XNK và TM FIT VN	1,773,186,555	-
- Khách hàng của Cty CP chế biến xuất khẩu Miền Tây	1,363,352,400	2,049,339,334
<b>Cộng:</b>	<b>3,647,297,547</b>	<b>4,010,808,032</b>

**23. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/03/2015	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01/01/2015
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế GTGT	-	340,786,777	696,171,692	355,384,915
- Thuế xuất nhập khẩu	-	84,096,990	84,096,990	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế TNDN	57,498,588,659	30,840,935,771	11,242,074,139	37,899,727,027
- Thuế Tài nguyên	-	2,246,400	2,246,400	-
- Tiền thuê đất	-	-	-	-
- Thuế nhà đất	-	-	-	-
- Tiền sử dụng đất	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	12,000,000	12,000,000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	52,950,812	151,891,396	176,011,233	77,070,649
- Thuế trước bạ	-	-	-	-
- Thuế nhà thầu nộp hộ	-	-	-	-
- Thuế, phí khác	-	-	18,694,273	18,694,273
<b>Cộng:</b>	<b>57,551,539,471</b>	<b>31,431,957,334</b>	<b>12,231,294,727</b>	<b>38,350,876,864</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế GTGT	9,424,630,201	5,684,534,234	3,109,565,304	6,849,661,271
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế TNDN	128,107,709	-	-	128,107,709
- Thuế Thu nhập cá nhân	4,217,501	54,422,057	50,204,556	-
- Các loại thuế khác	35,828,640	448,266,044	412,437,404	-
<b>Cộng:</b>	<b>9,592,784,051</b>	<b>6,187,222,335</b>	<b>3,572,207,264</b>	<b>6,977,768,980</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
 Mã số thuế: 0102182140

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>24. Chi phí phải trả</b>		
<b>a) Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
- Lãi trái phiếu và lãi vay phải trả	-	200,818,333
- Các khoản phải trả khác	5,547,264,929	4,268,527,214
<b>Cộng:</b>	<u>5,547,264,929</u>	<u>4,469,345,547</u>
<b>b) Chi phí phải trả dài hạn</b>		
<b>25. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	-
- Kinh phí công đoàn	220,398,525	318,634,848
- Bảo hiểm xã hội	198,556,761	136,925,039
- Bảo hiểm y tế	7,970,878	3,651,146
- Bảo hiểm thất nghiệp	3,564,570	82,410
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	162,000,000	-
- Phải trả các hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	6,500,000,000	6,298,861,113
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1,602,672,651	1,022,825,649
<b>Cộng:</b>	<u>8,695,163,385</u>	<u>7,780,980,205</u>
(*) Giá trị đầu kỳ thay đổi do phân loại lại số dư một số tài khoản theo hướng dẫn ghi nhận tại TT 200/2014/TT-BTC		
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	135,132,000	135,132,000
- Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	-
<b>Cộng:</b>	<u>135,132,000</u>	<u>135,132,000</u>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán (chi tiết từng khoản mục, lý do chưa thanh toán nợ quá hạn)</b>		
<b>26. Doanh thu chưa thực hiện</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước	158,279,233	158,422,534
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
<b>Cộng:</b>	<u>158,279,233</u>	<u>158,422,534</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng</b>		
<b>27. Dự phòng phải trả: Không phát sinh</b>		
<b>28. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
<b>a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	403,369,051	924,773,917
<b>b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	566,366,634	561,081,225
<b>Cộng</b>	<u>969,735,685</u>	<u>1,485,855,142</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140

**29. Vốn chủ sở hữu:****a) Biến động của vốn chủ sở hữu:**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>157,500,000,000</b>	-	<b>(40,000)</b>	<b>200,000,000</b>	<b>35,779,693,332</b>	<b>193,479,653,332</b>
- Tăng vốn trong năm trước	310,999,950,000	15,895,016,800			-	326,894,966,800
- Lãi trong năm trước					146,031,556,621	146,031,556,621
- Giảm cổ tức phải trả năm 2011					12,469,372,500	12,469,372,500
- Cổ tức	31,499,990,000				(31,499,990,000)	-
- Phân phối lợi nhuận vào các quỹ				686,852,413	(1,373,654,826)	(686,802,413)
- Tăng giảm do hợp nhất công ty con				3,368,595,232	(8,005,372,370)	(4,636,777,138)
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát					(13,894,955,590)	(13,894,955,590)
- Tăng (Giảm) khác		(634,300,000)	40,000		1,577,290,585	943,030,585
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>499,999,940,000</b>	<b>15,260,716,800</b>	-	<b>4,255,447,645</b>	<b>141,083,940,252</b>	<b>660,600,044,697</b>
- Tăng vốn trong năm nay	317,126,760,000					317,126,760,000
- Lãi trong năm nay					112,396,821,125	112,396,821,125
- Cổ tức	74,998,180,000				(74,998,180,000)	-
- Tăng giảm do hợp nhất công ty con				(3,368,595,232)	(61,404,344,883)	(64,772,940,115)
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát					(9,357,300,983)	(9,357,300,983)
- Tăng (Giảm) khác		(120,000,000)				(120,000,000)
<b>Số dư tại ngày 31/3/2015</b>	<b>892,124,880,000</b>	<b>15,140,716,800</b>	-	<b>886,852,413</b>	<b>107,720,935,511</b>	<b>1,015,873,384,724</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140

<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
- Phan Trung Phương	24,960,300,000	21,704,620,000
- Nguyễn Văn Sang	30,157,310,000	26,223,750,000
- Nguyễn Thị Minh Nguyệt	8,083,960,000	6,594,750,000
- Trần Thanh Mai	33,980,000	19,420,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	828,889,330,000	445,457,400,000
- Vốn góp của Công ty CP Đầu Tư F.I.T	-	-
- Vốn góp của Công ty CP NN kỹ thuật Cần Thơ	-	-
<b>Cộng:</b>	<b>892,124,880,000</b>	<b>499,999,940,000</b>

<b>c. Cổ phiếu:</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	89,212,488	49,999,994
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	89,212,488	49,999,994
+ Cổ phiếu phổ thông	89,212,488	49,999,994
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	89,212,488	49,999,994
+ Cổ phiếu phổ thông	89,212,488	49,999,994
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)		

<b>30. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>c. Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	256,882.1	145,980.6
- EUR	211.4	214.2

## **VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>	<b>Lũy kế 3 tháng 2015</b>
- Doanh thu bán hàng	182,468,453,338
- Doanh thu cho thuê BĐS đầu tư và các DV kèm theo	14,370,071,440
- Doanh thu dịch vụ khác: tư vấn đầu tư, bảo hiểm..	3,257,027,883
- Doanh thu khác	834,737,740
<b>Cộng:</b>	<b>200,930,290,401</b>

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>Lũy kế 3 tháng 2015</b>
- Hàng bán bị trả lại	29,227,920
<b>Cộng:</b>	<b>29,227,920</b>

<b>3. Giá vốn hàng bán:</b>	<b>Lũy kế 3 tháng 2015</b>
- Giá vốn hàng bán	135,384,652,729
- Giá vốn cho thuê BĐS đầu tư và các DV kèm theo	100,755,972
- Giá vốn dịch vụ khác	585,951,011
- Giá vốn hoạt động khác	146,036,471
<b>Cộng:</b>	<b>136,217,396,183</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140

<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính:</b>	<b><u>Lũy kế 3 tháng 2015</u></b>
- Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi (*)	1,624,674,465
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	211,336,656
- Lãi bán các khoản đầu tư	94,604,684,120
- Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác đầu tư	6,492,925,256
<b>Cộng:</b>	<b><u>102,933,620,497</u></b>

(\*) *Thuyết minh lại số liệu Quý I/2014 do tách 1 phần lợi nhuận từ hoạt động hợp tác đầu tư từ chỉ tiêu "Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi".*

<b>5. Chi phí tài chính:</b>	<b><u>Lũy kế 3 tháng 2015</u></b>
- Chi phí lãi vay (*)	3,268,464,915
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	155,758,027
- Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-
- Chi phí tài chính khác	-
- Chi phí tài chính từ hoạt động hợp tác đầu tư	271,608,435
<b>Cộng:</b>	<b><u>3,695,831,377</u></b>

(\*) *Thuyết minh lại số liệu Quý I/2014 do tách 1 phần chi phí tài chính từ hoạt động hợp tác đầu tư từ chỉ tiêu "Chi phí lãi vay".*

<b>6. Chi phí bán hàng:</b>	<b><u>Lũy kế 3 tháng 2015</u></b>
- Chi phí cho nhân viên	3,087,061,219
- Chi quảng cáo, sự kiện và các dịch vụ mua ngoài	5,316,740,913
- Chi phí khác bằng tiền	6,114,699,676
<b>Cộng:</b>	<b><u>14,518,501,808</u></b>

<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>	<b><u>Lũy kế 3 tháng 2015</u></b>
- Chi phí cho nhân viên	3,138,105,659
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	200,176,734
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	770,430,621
- Thuế, phí và lệ phí	213,879,394
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,269,767,555
- Chi phí tài trợ, ủng hộ, hỗ trợ	10,354,084
- Chi phí khác bằng tiền	1,149,989,060
- Chi phí dự phòng	195,306,069
- Chi phí khác (Lợi thế thương mại..)	1,066,946,939
<b>Cộng:</b>	<b><u>8,014,956,115</u></b>

<b>8. Thu nhập khác:</b>	<b><u>Lũy kế 3 tháng 2015</u></b>
- Thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và tài sản khác	456,363,636
- Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	1,132,090,100
- Thu nhập khác	81,878,083
<b>Cộng:</b>	<b><u>1,670,331,819</u></b>

<b>9. Chi phí khác:</b>	<b><u>Lũy kế 3 tháng 2015</u></b>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng	-
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng và phạt hành chính	-
- Chi phí khác	5,259,457
<b>Cộng:</b>	<b><u>5,259,457</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Mã số thuế: 0102182140**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:**

	<u>Lũy kế 3 tháng 2015</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	135,608,937,583
- Chi phí nhân công	14,095,032,318
- Chi phí CCDC	107,409,966
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,656,883,878
- Thuế, phí, lệ phí	144,693,077
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,513,356,738
- Chi phí khác	9,478,093,430
<b>Cộng:</b>	<u><u>169,604,406,990</u></u>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

	<u>Lũy kế 3 tháng 2015</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	30,840,935,771
<b>Cộng:</b>	<u><u>30,840,935,771</u></u>

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

	<u>Lũy kế 3 tháng năm 2015</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	112.396.821.125
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	73.526.395
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,529
Mệnh giá cổ phiếu	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:****1. Các giao dịch không bằng tiền:**

	<u>Lũy kế 3 tháng 2015</u>
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-
<b>Cộng:</b>	<u><u>-</u></u>

**2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng****3. Khấu hao tài sản cố định**

	<u>Lũy kế 3 tháng 2015</u>
- Khấu hao tài sản cố định hữu hình	3,225,867,902
- Khấu hao tài sản cố định vô hình	513,028,764
- Khấu hao bất động sản đầu tư	100,755,972
- Trừ khấu hao phân bổ cho hoạt động xây dựng cơ bản	-
<b>Cộng:</b>	<u><u>3,839,652,638</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T**

Tầng 16, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tường, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
 Mã số thuế: 0102182140

**4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư**

	<b>Lũy kế 3 tháng 2015</b>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1,591,532,937
- Lãi cho vay	186,408,916
- Xử lý các khoản nợ đầu tư XDCB vào KQKD	-
- Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-
- Lãi từ nhượng bán bất động sản đầu tư	-
- Lãi chuyển nhượng cổ phần	456,363,636
- Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	13,050,313,657
<b>Cộng:</b>	<b>15,284,619,146</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

- Đến thời điểm lập BCTC, Công ty cổ phần đầu tư F.I.T đang tiến hành phát hành 89.212.488 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 12/GCN/UBCK do Chủ tịch UBCK nhà nước cấp ngày 31 tháng 03 năm 2015. Sự kiện này dự kiến sẽ kết thúc trong tháng 5 năm 2015.

- Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin so sánh**

- Từ ngày 1/1/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Một số thông tin đầu kỳ trên BCDKT được Công ty trình bày và thuyết minh lại cho phù hợp với hướng dẫn của thông tư.

- Cùng kỳ năm ngoài, Công ty chưa mua bán hay sát nhập công ty con nên chưa lập báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2014, do vậy không có số liệu so sánh các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất so với quý 1 năm trước.

Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2015

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hà Hồng Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh Nguyệt